

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Thi;

Bà Ngô Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, tham gia phiên tòa: Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2022/TLST- HNGĐ, ngày 09-3-2022 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27-4-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13-5-2022; thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa xét xử số 01/TB-TA, ngày 13-5-2022; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06-6-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn V, sinh năm 1977; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1977; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người làm chứng: Anh Lương Văn H, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2022, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Nông Văn V trình bày: Anh Nông Văn V kết hôn với chị Lương Thị L năm

1997, trước khi kết hôn hai người không có thời gian tự tìm hiểu, kết hôn do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 26-12-2002. Sau kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Lương Thị L không chịu tu trí làm ăn, bỏ nhà đi chơi qua đêm và đã có lần đi chơi mấy ngày mới về, anh hỏi chị Lương Thị L đi đâu thì chị không nói, thậm chí chị Lương Thị L còn nặng lời với anh, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, nhưng không có việc đánh nhau. Anh và chị Lương Thị L đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Hai người mỗi người sống một nơi anh sống tại Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn còn chị Lương Thị L về bên nhà ngoại sinh sống tại Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Từ khi vợ chồng ly thân cả hai không còn quan tâm, chăm sóc, không liên lạc hỏi han gì đến nhau. Thời gian ly thân anh có gọi điện cho chị Lương Thị L một lần nhưng chị không bắt máy, anh có nói với con trai bảo mẹ về nhưng con trai anh nói mẹ về thì mẹ cũng bỏ đi thôi nên con trai không nói lại với mẹ. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên nội ngoại đều biết, bên ngoại có anh trai vợ khuyên bảo anh về, riêng bà ngoại thì lại về phe với vợ anh nói anh không ra gì. Bên nội có các chị dâu gọi điện cho chị Lương Thị L bảo về nhưng chị không nghe máy. Chị Lương Thị L về nhà ngoại sinh sống nhưng chưa cắt khẩu chuyển về nhà ngoại mà hiện nay hộ khẩu vẫn ở tại xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nông Mạnh Q, sinh ngày 01-9-2000, hiện nay đã trưởng thành, cháu không bị mất năng lực hành vi dân sự, không mất khả năng để lao động, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn chị Lương Thị L vắng mặt kể từ thời điểm tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử.

Người làm chứng anh Lương Văn H vắng mặt tại phiên tòa, tại Biên bản lấy lời khai anh cho biết: Anh là em trai ruột của chị Lương Thị L, giữa anh với anh Nông Văn V và chị Lương Thị L không có mâu thuẫn gì, anh Nông Văn V và chị Lương Thị L kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là gì anh không nắm được, cả hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2018, 2019 đến nay, mặc dù nói chị Lương Thị L về nhà ngoại sinh sống nhưng chị Lương Thị L hông về nhà ngoại mà chị Lương Thị L đi làm ăn tại Hà Nội, địa chỉ cụ thể thì anh không nắm được. Khi vợ chồng anh chị ly thân, thời điểm mẹ chồng chị Lương Thị L mất chị ấy vẫn về chịu tang rồi có qua nhà ngoại và đi làm luôn, chị Lương Thị L chỉ về nhà ngoại lúc gia đình có việc, xong việc lại đi luôn. Việc anh Nông Văn V làm đơn ly hôn anh có biết và chị Lương Thị L cũng biết, nhưng chị Lương Thị L có nói với anh Tòa muốn làm như nào thì làm chị không về giải quyết được do chị đi làm bận việc, nay hai bên ly hôn hay đoàn tụ là do anh chị tự quyết định, gia đình không có ý kiến gì. Các văn bản tố tụng của Tòa

án giao anh nhận và anh cam kết sẽ thông báo cho chị Lương Thị L biết nội dung các văn bản này.

Tài liệu chứng cứ Toà án đã thu thập được gồm: Văn bản của Uỷ ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cung cấp về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng cho chị Lương Thị L và xác nhận thông tin chị Lương Thị L không có đăng ký hộ khẩu, không đăng ký tạm trú, tạm vắng tại Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; văn bản của Uỷ ban nhân dân xã B cung cấp nội dung chị Lương Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, không cất tạm trú, tạm vắng đi đâu, cung cấp thông tin về quan hệ hôn nhân và biên bản xác minh thông tin của chị Lương Thị L.

Do bị đơn chị Lương Thị L vắng mặt nên các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật Tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, đúng quan hệ pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn vắng mặt, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nông Văn V được ly hôn với chị Lương Thị L; về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành, không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Không có. Nguyên đơn anh Nông Văn V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lương Thị L có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; thời gian vợ chồng có mâu thuẫn chị Lương Thị L đã về nhà ngoại tại Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là nơi bị đơn cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nông Văn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Lương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy chị Lương Thị L hiện có hộ

khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn chưa cất hộ khẩu, chưa cất tạm trú, tạm vắng đi đâu, nhưng hiện tại chị Lương Thị L về sinh sống bên nhà ngoại tại Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, gia đình cho biết hiện chị Lương Thị L hiện đi làm ăn tại Hà Nội đến nay, gia đình không biết rõ địa chỉ cụ thể của chị Lương Thị L nhưng chị có biết anh Nông Văn V làm đơn ly hôn. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lương Thị L Tòa án đã tiến hành đăng thông báo thời gian địa điểm xét xử lần 1, lần 2 trên phương tiện thông tin đại chúng cho chị Lương Thị L biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng chị Lương Thị L vẫn vắng mặt, đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi chị Lương Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Lương Văn H là em trai chị Lương Thị L nhận. Do chị Lương Thị L không có mặt tại địa phương, gia đình không cung cấp được địa chỉ nơi ở mới của chị Lương Thị L. Căn cứ Điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Đối với người làm chứng anh Lương Văn H vắng mặt tại phiên tòa, anh Lương Văn H đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ. Xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Anh Nông Văn V và chị Lương Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn V xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị Lương Thị L vắng mặt kể từ thời điểm tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử. Đối với quan hệ hôn nhân của anh Nông Văn V và chị Lương Thị L thì anh Lương Văn H là em trai của chị Lương Thị L xác nhận giữa anh Nông Văn V và chị Lương Thị L đã có mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, 2019 đến nay. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình nội ngoại đều biết, đã khuyên giải từng người nhưng không đi đến kết quả, vợ chồng anh chị hiện đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay cả hai không còn quan tâm, hỏi han, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, xét thấy tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh Nông Văn V được ly hôn chị Lương Thị L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nông Mạnh Q, sinh ngày 01-9-2000, hiện đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không mất khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Nông Văn V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn để nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; các Điều 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Văn V được ly hôn chị Lương Thị L.

2. Về án phí: Anh Nông Văn V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Xác nhận anh Nông Văn V đã nộp đủ số tiền án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003177 ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nông Văn V, chị Lương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã B;
- Đường sự.....;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)
Nguyễn Thúy Huyền